TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A1

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1		NGUYỄN THANH AN	23/04/06									
2	120347	HOÀNG NGỌC ANH	02/03/06	13	13	12	7	7	7			
3	120385	NGUYỄN ĐỨC ANH	23/09/06	14	14	13	8	8	8			
4	120040	NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	11/12/06	2	2	2	1	1	1			
5	120463	PHẠM KHẮC ANH	20/01/06	17	17	16	10	10	10			
6	120336	PHẠM QUANG ANH	08/09/06	12	12	12	7	7	7			
7	120053	VŨ QUỐC TRUNG ANH	01/01/06	2	2	2	1	1	1			
8	120513	LÊ THỊ HẢI BÌNH	11/10/06	19	19	18	11	11	11			
9	120303	ĐỖ PHƯƠNG CHI	26/09/06	11	11	11	6	6	6			
10	120488	NGUYỄN QUANG DUY	28/12/06	18	18	17	11	11	10			
11	120285	PHẠM MINH DUY	18/07/06	11	11	10	6	6	6			
12	120103	NGUYỄN MẠNH DŨNG	18/04/06	4	4	4	2	2	2			
13	120480	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	03/01/06	18	17	17	10	10	10			
14	120043	DƯƠNG MINH ĐẠO	23/03/06	2	2	2	1	1	1			
15	120247	LÊ VĂN TRÍ ĐỨC	06/07/06	9	9	9	5	5	5			
16	120036	PHẠM TRƯỜNG GIANG	07/03/06	2	2	2	1	1	1			
17	120210	NGUYỄN GIA HÂN	02/02/06	8	8	8	4	4	4			
18	120459	VŨ MINH HIẾU	13/05/06	17	17	16	10	10	10			
19	120380	NGUYỄN TUẤN HIỆP	09/10/06	14	14	13	8	8	8			
20	120519	PHẠM BÁ HIỆP	18/01/06	19	19	18	11	11	11			
21	120237	BÙI KHÁNH HUYỀN	01/02/06	9	9	8	5	5	5			
22		NGUYỄN MINH HÙNG	01/08/06									
23	120485	ĐẶNG BÁ HƯNG	12/11/06	18	18	17	10	10	10			
24	120280	ĐỖ ANH KHOA	08/11/06	10	10	10	6	6	6			
25	120384	LÊ TRUNG KIÊN	05/05/06	14	14	13	8	8	8			
26	120489	NGÔ VŨ HOÀNG LÂM	05/04/06	18	18	17	11	11	11			
27	120431	VŨ THỊ TÙNG LÂM	21/03/06	16	16	15	9	9	9			
28	120299	BÙI KHÁNH LINH	12/11/06	11	11	11	6	6	6			
29	120137	BÙI PHƯƠNG LINH	19/10/06	5	5	5	3	3	3			
30		CAO KHÁNH LINH	18/12/06									
31	120295	VŨ NGỌC KHÁNH LINH	12/05/06	11	11	10	6	6	6			
32	120454	NGUYỄN NGỌC MAI	12/01/06	17	17	16	10	10	10			
33		ĐẶNG NGUYỄN DUY MINH	17/01/06									
34	120111	NGUYỄN HOÀNG MINH	22/10/06	4	4	4	3	3	3			
35	120238	NGUYỄN HỒNG MINH	03/12/06	9	9	9	5	5	5			
36	120160	TRẦN MINH	14/03/06	6	6	6	4	4	4			
37		TÔ ĐÌNH NAM	03/07/06									
38	120116	HÀ ĐẠI NGUYÊN	03/06/06	5	5	4	3	3	3			
39	120060	NGUYỄN ĐỖ BẢO NHI	15/03/06	3	3	3	2	2	2			
40	120276	TRỊNH XUÂN NHI	17/02/06	10	10	10	6	6	6			
41	120087	VÕ ĐÌNH NHI	14/04/06	4	4	3	2	2	2			
42	120447	TRẦN AN NINH	07/05/06	16	16	15	9	9	9			
43	120263	ĐẶNG QUANG PHÚ	04/06/06	10	10	9	6	6	6			
44		ĐOÀN MINH QUÂN	02/04/06									
45	120462	HÀ MINH QUÂN	22/11/06	17	17	16	10	10	10			
46		VŨ MINH QUÂN	14/12/06									
47	120022	TRẦN XUÂN SANG	22/01/06	1	1	1	1	1	1			
48	120150	ĐÀO MINH SƠN	28/11/06	6	6	6	3	3	3			
49	120108	LÊ THANH SƠN	20/08/06	4	4	4	3	3	3			
50	120126	NGUYỄN TÔ QUỲNH TRANG	09/08/06	5	5	5	3	3	3			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A1

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
51	120185	PHAN HÀ NGỌC TRÂM	13/01/06	7	7	7	4	4	4			
52	120551	NGUYỄN HUY TÚ	14/01/06	20	20	19	12	12	12			
53	120236	NGUYỄN THÀNH VINH	12/11/06	9	9	8	5	5	5			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A2

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1		ĐỖ QUỲNH ANH	13/10/06									
2	120481	LƯƠNG NGUYỆT ANH	03/03/06	18	17	17	10	10	10			
3	120353	TRẦN THỊ MINH ANH	18/05/06	13	13	12	7	7	7			
4	120401	ĐẶNG THANH BÌNH	27/07/06	15	15	14	8	8	8			
5	120440	NGUYỄN CÔNG DUY	15/05/06	16	16	15	9	9	9			
6	120203	LÊ VIỆT DŨNG	29/09/06	8	8	7	4	4	4			
7		LƯU ĐỨC DŨNG	10/07/06									
8	120225	BÙI THÁI DƯƠNG	01/08/06	9	8	8	5	5	5			
9	120204	ĐỒNG THỊ BẠCH DƯƠNG	18/12/06	8	8	7	4	4	4			
10		NGUYỄN MẠNH ĐẠT	04/04/06									
11	120337	NGÔ TRẦN HẢI ĐĂNG	20/03/06	12	12	12	7	7	7			
12	120117	NGUYỄN LONG ĐIỀN	16/01/06	5	5	4	3	3	3			
13	120310	DƯƠNG ĐẶNG GIAO	29/05/06	12	11	11	6	6	6			
14		ĐỒNG NGHIÊM MINH HIẾU	20/09/06									
15	120142	BÙI NHẬT HUY	09/08/06	6	6	5	3	3	3			
16	120076	NGUYỄN MẠNH HÙNG	01/01/06	3	3	3	2	2	2			
17	120242	NGUYỄN THẾ HÙNG	31/05/06	9	9	9	5	5	5			
18	120404	ĐOÀN VIỆT KHANG	26/11/05	15	15	14	8	8	8			
19	120527	LƯU VĨNH KHANG	13/11/06	19	19	18	12	12	12			
20	120405	LÊ AN KHÁNH	26/04/06	15	15	14	8	8	8			
21	120418	PHAN QUỐC KHÁNH	28/03/06	15	15	14	9	9	9			
22	120383	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	20/04/06	14	14	13	8	8	8			
23		TRỊNH GIA KHIÊM	04/01/06									
24	120504	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	21/08/06	18	18	17	11	11	11			
25	120501	NGUYỄN NHẬT KHOA	11/05/06	18	18	17	11	11	11			
26	120342	PHẠM DIỆU LINH	14/11/06	13	13	12	7	7	7			
27		ĐỖ TRỌNG VŨ MẠNH	26/05/06									
28	120183	ĐINH THẾ MINH	25/06/06	7		7		4	4			
29		NGUYỄN ĐỨC MINH	05/01/06									
30	120451	TRẦN HUY THIỆN MINH	20/07/06	17	16	16	9	9	9			
31	120327	ĐÀO TUẤN NAM	04/07/06	12		12	7					
32	120493	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	30/11/06	18	18	17	11	11	11			
33	120033	NGUYỄN TRƯỜNG PHÁT	18/06/06	2	2	2	1	1	1			
34	120249	NGUYỄN HỮU PHONG	18/11/06	9	9	9	5	5	5			
35	120147	ĐỖ HÀ PHƯƠNG	12/09/06	6	6	5	3	3	3			
36	120239	NGUYỄN NAM PHƯƠNG	01/02/06	9	9	9	5	5	5			
37	120366	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	30/05/06	14	13	13	7	7	7			
38	120020	LÊ HOÀNG QUÂN	14/09/06	1	1	1	1	1	1			
39		NGUYỄN ĐÌNH SƠN	17/01/06									
40	120558	NGUYỄN VĂN THÀNH	03/09/06	20	20	19	12	12	12			
41	120212	VŨ KỲ THIÊN	25/07/06	8	8	8	4	5	5			
42		NGUYỄN THỊ MINH THU	18/01/06									
43	120373	NGUYỄN QUANG THUẬN	06/03/06	14	14	13	8	8	8			
44		PHẠM ANH THƯ	04/10/06									
45	120442	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	27/09/06	16	16	15	9	9	9			
46	120455	NGUYỄN TRƯỜNG TIẾN	02/09/06	17	17	16	10	10	10			
47	120070	VŨ QUỐC TRỌNG	06/06/06	3	3	3	2	2	2			
48	120164	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	10/08/06	6	6	6	4	4	4			
49	120363	NGUYỄN TRẦN ĐAN VY	18/12/06	13	13	13	7	7	7			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A3

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1		DOÃN HÀ ANH	27/08/06									
2	120348	NGUYỄN TRẦN MỸ ANH	07/02/06	13	13	12	7	7	7			
3	120472	VŨ HOÀNG ANH	27/10/06	17	17	16	10	10	10			
4	120386	ĐỖ MINH CHÂU	31/08/06	14	14	13	8	8	8			
5	120109	NGUYỄN VIẾT CƯỜNG	09/01/06	4	4	4	3	3	3			
6		ĐẶNG QUANG DŨNG	19/07/06									
7		NGUYỄN SỸ DŨNG	15/10/06									
8		NGUYỄN VIỆT DŨNG	17/10/06									
9	120416	LƯU THÙY DƯƠNG	28/03/06	15	15	14	9	9	9			
10		TRẦN MINH DƯƠNG	06/04/06									
11	120354	VŨ HOÀNG DƯƠNG	03/02/06	13	13	12	7	7	7			
12	120533	PHẠM HOÀNG ĐẠT	09/04/06	19	19	18	12	12	12			
13	120119	ĐOÀN HẢI ĐĂNG	14/11/06	5	5	5	3	3	3			
14	120508	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	10/10/06	19	18	17	11	11	11			
15	120297	ĐOÀN TRUNG ĐỨC	14/12/06	11	11	11	6	6	6			
16	120049	HOÀNG NGỌC ĐỨC	27/08/06	2	2	2	1	1	1			
17	120141	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	12/01/06	6	6	5	3	3	3			
18	120375	MAI HƯƠNG GIANG	16/09/06	14	14	13	8	8	8			
19	120497	TRẦN THỊ THÙY GIANG	04/11/06	18	18	17	11	11	11			
20	120425	DƯƠNG NGÂN HÀ	14/02/06	16	15	15	9	9	9			
21	120468	TRẦN NGUYỄN ĐÔNG HẢI	27/02/06	17	17	16	10	10	10			
22	120330	CAO TRUNG HIẾU	23/08/06	12	12	12	7	7	7			
23	120122	NGUYỄN MINH HIẾU	22/06/06	5	5	5	3	3	3			
24	120409	TRẦN NGỌC HIẾU	05/01/06	15	15	14	9	9	9			
25	120034	ĐÀO VĂN TRỌNG HIỆP	26/07/06	2	2	2	1	1	1			
26	120293	NGUYỄN THẾ HIỆP	09/03/06	11	11	10	6	6	6			
27	120190	NGUYỄN MINH HOÀNG	06/11/06	7	7	7	4	4	4			
28	120427	TRẦN PHONG VŨ HÒA	05/07/06	16	16	15	9	9	9			
29		HOÀNG VIỆT HÙNG	27/02/06									
30		ĐINH GIA HƯNG	14/05/06									
31	120128	NGUYỄN TRỌNG KHANG	01/06/06	5	5	5	3	3	3			
32	120357	NGUYỄN LÊ TÙNG LÂM	26/12/06	13	13	12	7	7	7			
33	120349	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	26/10/06	13	13	12	7	7	7			
34		NGÔ THỊ NGỌC MAI	30/07/06									
35	120317	NGUYỄN TUẤN MINH	23/05/06	12	12	11	6	6	6			
36	120313	VI HOÀNG HIẾU MINH	26/08/06	12	12	11	6	6	6			
37	120090	HOÀNG MINH NGỌC	18/07/06	4	4	4	2	2	2			
38		NGUYỄN MINH NGỌC	19/09/06									
39	120452	ĐÀO MINH PHƯƠNG	04/03/06	17	16	16	9	9	9			
40	120392	LÊ THU PHƯƠNG	21/11/06	14	14	14	8	8	8			
41		PHẠM VÕ QUYỀN	16/03/06									
42	120471	NGUYỄN HIỀN TÂM	03/09/06	17	17	16	10	10	10			
43		NGUYỄN NGỌC TÂN	04/04/06									
44		ĐINH THỊ THU TRANG	17/08/06									
45		ĐẶNG QUANG TRUNG	19/08/06									
46	120198	LÊ MINH TÙNG	15/08/06	8	7	7	4	4	4			
47	120510	NGUYỄN THU VÂN	26/08/06	19	18	18	11	11	11			
48	120083	ĐÀO LONG VŨ	22/04/06	3	3	3	2	2	2			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A4

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1		HOÀNG ANH	18/11/06									
2	120004	NGUYỄN ĐOÀN MINH ANH	04/04/06	1	1	1	1	1	1			
3	120269	NGUYỄN HUYỀN ANH	19/05/06	10	10	10	6	6	6			
4	120393	PHẠM THỊ HỒNG ANH	02/04/06	14	14	14	8	8	8			
5	120071	TRẦN THỊ TRANG ANH	15/12/06	3	3	3	2	2	2			
6	120019	PHẠM THANH BÌNH	07/08/06	1	1	1	1	1	1			
7		DƯƠNG NGỌC MINH CHÂU	02/12/06									
8	120192	NGUYỄN NGÔ THÙY DƯƠNG	22/06/06	7	7	7	4	4	4			
9	120127	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	11/06/06	5	5	5	3	3	3			
10	120411	PHẠM THÙY DƯƠNG	02/04/06	15	15	14	9	9	9			
11	120143	NGUYỄN HOÀNG TUẤN ĐẠT	20/04/06	6								
12	120057	NGUYỄN MINH ĐỨC	22/02/06	3	3	2	2	2	2			
13	120199	VŨ NGỌC ĐỨC	08/08/06	8	8	7	4	4	4			
14	120378	NGUYỄN HẢI HÀ	12/04/06	14	14	13	8	8	8			
15	120011	ĐẶNG NHƯ HIỂN	07/03/06	1	1	1	1	1	1			
16	120005	NGUYỄN MINH HUY	04/06/06	1	1	1	1	1	1			
17	120163	VŨ QUỐC HUY	21/07/06	6	6	6	4	4	4			
18	120012	BÙI DUY HƯNG	10/01/06	1	1	1	1	1	1			
19	120136	TRẦN ĐÌNH MINH KHANH	13/09/06	5	5	5	3	3	3			
20	120294	PHẠM LÊ AN KHÁNH	07/10/06	11	11	10	6	6	6			
21	120251	VŨ QUỐC KHÁNH	18/06/06	9	9	9	5	5	5			
22	120072	DƯƠNG TUẤN KHOA	13/08/06	3	3	3	2	2	2			
23	120229	NGÔ KHÁNH LINH	18/06/06	9	9	8	5	5	5			
24	120230	NGUYỄN QUÝ LONG	19/10/06	9	9	8	5	5	5			
25	120041	NGUYỄN GIA LUÂN	18/09/06	2	2	2	1	1	1			
26	120188	BÙI ĐỨC MẠNH	15/02/06	7	7	7	4	4	4			
27	120124	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	15/02/06	5	5	5	3	3	3			
28	120470	BÙI HỮU TUẤN MINH	11/09/06	17	17	16	10	10	10			
29		ĐẶNG QUANG MINH	02/11/06									
30	120130	LÊ THỊ NGỌC MINH	06/01/06	5	5	5	3	3	3			
31	120063	PHẠM HẢI MINH	11/09/06	3	3	3	2	2	2			
32	120362	PHẠM QUANG MINH	10/07/06	13	13	13	7	7	7			
33	120502	LÊ HOÀNG NAM	01/11/06	18	18	17	11	11	11			
34	120318	ĐÀO THỊ BẢO NGỌC	23/08/06	12	12	11	6	7	7			
35		NGUYỄN TRANG NHUNG	28/08/06									
36	120372	ĐẶNG HỒNG PHÚC	19/04/06	14	14	13	8	8	8			
37	120097	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	20/06/06	4	4	4	2	2	2			
38	120202	TẠ THANH SƠN	11/07/06	8	8	7	4	4	4			
39	120283	VŨ TRƯỜNG SƠN	26/09/06	11	11	10	6	6	6			
40	120370	NGUYỄN BÙI MỸ TÂM	08/05/06	14	14	13	8	8	8			
41	120500	NGUYỄN CÔNG THÀNH	02/05/06	18	18	17	11	11	11			
42	120552	NGUYỄN PHÚC THÀNH	30/10/06	20	20	19	12	12	12			
43	120167	NGUYỄN XUÂN THỊNH	18/01/06	6	6	6	4	4	4			
44	120227	NGUYỄN THỊ HÀ THU	23/05/06	9	9	8	5	5	5			
45	120517	NGUYỄN DUY TIẾN	18/04/06	19	19	18	11	11	11			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A5

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120030	BÙI LÊ HOÀNG AN	12/01/06	2	2	2	1	1	1			
2	120439	NGUYỄN THÀNH AN	08/03/06	16	16	15	9	9	9			
3	120095	BÙI QUỲNH ANH	02/07/06	4	4	4	2	2	2			
4	120080	ĐOÀN VIỆT ANH	11/09/06	3	3	3	2	2	2			
5	120155	NGUYỄN ĐỨC ANH	27/05/06	6	6	6	3	3	3			
6	120113	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	21/06/06	5	5	4	3	3	3			
7	120465	PHẠM TIẾN ANH	13/10/06	17	17	16	10	10	10			
8	120430	TRẦN HỒNG ANH	19/07/06	16	16	15	9	9	9			
9	120241	TRẦN THỊ TRÂM ANH	19/03/06	9	9	9	5	5	5			
10		NGUYỄN MINH CÔNG	13/09/06									
11	120390	VŨ THỊ NGỌC DIỆP	09/12/06	14	14	14	8	8	8			
12	120509	VÕ HỒNG DUY	28/01/06	19	18	18	11	11	11			
13	120055	NGUYỄN TIẾN DŨNG	10/07/06	2	2	2	2	2	2			
14	120086	LÊ THÙY DƯƠNG	19/10/06	4	4	3	2	2	2			
15	120166	NGUYỄN TRẦN BẢO HÂN	30/08/06	6	6	6	4	4	4			
16	120507	PHAN NGỌC HÂN	30/06/06	18	18	17	11	11	11			
17	120059	NGUYỄN KHÁNH HÒA	10/10/06	3	3	3	2	2	2			
18	120035	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	14/06/06	2	2	2	1	1	1			
19	120214	TRẦN THU HUYỀN	19/08/06	8	8	8	5	5	5			
20	120512	ĐẶNG THỊ MAI HƯƠNG	14/10/06	19	19	18	11	11	11			
21	120521	ĐOÀN THU HƯƠNG	12/07/06	19	19	18	11	11	11			
22	120120	LÊ ĐẶNG THU HƯƠNG	18/09/06	5	5	5	3	3	3			
23	120032	VŨ MINH KHANG	02/11/06	2	2	2	1	1	1			
24	120449	HOÀNG TRUNG KIÊN	04/11/06	16	16	15	9	9	9			
25	120460	NGUYỄN BẢO LÂN	01/09/06	17	17	16	10	10	10			
26	120541	ĐÀO THỊ NGỌC LINH	30/01/06	20	20	19	12	12	12			
27	120338	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	09/08/06	13	12	12	7	7	7			
28	120346	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	11/02/06	13	13	12	7	7	7			
29	120466	TRẦN PHƯƠNG LINH	25/09/06	17	17	16	10	10	10			
30	120412	TRẦN LÊ LY LY	26/07/06	15	15	14	9	9	9			
31	120530	LÊ ANH MINH	10/02/06	19	19	18	12	12	12			
32	120062	LƯƠNG ĐỨC MINH	31/05/06	3	3	3	2	2	2			
33	120499	NGUYỄN ĐÌNH MINH	19/09/06	18	18	17	11	11	11			
34	120275	VŨ TRÀ MY	03/05/06	10	10	10	6	6	6			
35	120051	ĐỖ THỊ MINH NGUYỆT	21/04/06	2	2	2	1	1	1			
36	120195	LÊ TUỆ NHI	12/03/06	7	7	7	4	4	4			
37	120069	NGUYỄN NGỌC THÀNH	10/08/06	3	3	3	2	2	2			
38	120208	ĐỒNG XUÂN THẮNG	11/08/06	8	8	7	4	4	4			
39	120173	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	09/10/06	7	7	6	4	4	4			
40	120123	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	18/08/06	5	5	5	3	3	3			
41	120420	NGUYỄN KIM TRƯỜNG	20/11/06	15	15	15	9	9	9			
42	120253	TRẦN ĐỨC TÙNG	30/09/06	9	9	9	5	5	5			
43	120079	ĐỖ THỊ THU UYÊN	28/03/06	3	3	3	2	2	2			
44	120448	NGUYỄN TƯỜNG VY	26/09/06	16	16	15	9	9	9			
45	120196	TRẦN VŨ HÀ VY	30/12/06	7	7	7	4	4	4			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A6

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120475	ĐẶNG TRẦN TÂM AN	04/10/06	17	17	16	10	10	10			
2	120399	ĐINH XUÂN NGỌC AN	26/01/06	15	15	14	8	8	8			
3	120487	TRẦN HẢI AN	04/03/06	18	18	17	10	10	10			
4	120544	LÊ TRIỆU QUANG ANH	08/03/06	20	20	19	12	12	12			
5	120437	NGUYỄN HÀ ANH	18/07/06	16	16	15	9	9	9			
6	120165	NGUYỄN QUANG ANH	11/09/06	6	6	6	4	4	4			
7	120074	NGUYỄN TRÂM ANH	14/09/06	3	3	3	2	2	2			
8	120273	TẠ PHƯƠNG ANH	17/05/06	10	10	10	6	6	6			
9	120394	PHẠM LINH CHI	20/06/06	15	14	14	8	8	8			
10	120473	NGUYỄN HỒNG CƠ	23/02/06	17	17	16	10	10	10			
11	120495	QUÁCH ĐẠI DƯƠNG	04/01/06	18	18	17	11	11	11			
12	120402	LÊ QUANG ĐỨC	24/11/06	15	15	14	8	8	8			
13	120351	NGUYỄN HUY ĐỨC	08/09/06	13	13	12	7	7	7			
14	120221	NGUYỄN MINH ĐỨC	08/04/06	8	8	8	5	5	5			
15	120008	ĐỖ THỊ MINH HÀ	13/03/06	1	1	1	1	1	1			
16	120010	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	28/08/06	1	1	1	1	1	1			
17	120298	BÙI VĂN HIỂN	18/07/06	11	11	11	6	6	6			
18	120469	ĐINH NGUYỄN PHƯƠNG HOA	14/08/06	17	17	16	10	10	10			
19	120316	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	17/10/06	12	12	11	6	6	6			
20	120104	NGUYỄN TUẤN HƯNG	19/01/06	4	4	4	3	3	3			
21	120094	NGUYỄN ĐĂNG KHANH	29/11/06	4	4	4	2	2	2			
22	120187	NGUYỄN ĐÌNH ANH KHÔI	06/06/06	7	7	7	4	4	4			
23	120369	HÀN NGỌC LINH	18/02/06	14	14	13	7	7	7			
24	120534	LÃ PHƯƠNG LINH	05/11/06	19	19	18	12	12	12			
25	120248	MAI KHÁNH LINH	02/06/06	9	9	9	5	5	5			
26	120281	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	05/01/06	10	10	10	6	6	6			
27	120325	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	14/12/06	12	12	11	7	7	7			
28	120271	TẠ ĐÌNH KHÁNH LINH	26/11/06	10	10	10	6	6	6			
29	120339	VŨ PHÚC NGỌC LINH	15/04/06	13	12	12	7	7	7			
30	120223	NGUYỄN NGỌC HẢI LONG	30/09/06	8	8	8	5	5	5			
31	120407	NGUYỄN TUẤN LONG	29/08/06	15	15	14	8	8	8			
32	120129	ĐÀO QUANG MINH	20/02/06	5	5	5	3	3	3			
33	120538	NGUYỄN HOÀNG HỮU NAM	28/09/06	20	19	19	12	12	12			
34	120306	VŨ TUYẾT NGÂN	12/06/06	11	11	11	6	6	6			
35	120559	PHẠM TRỌNG NGHĨA	15/01/06	20	20	19	12	12	12			
36	120256	LƯƠNG HỒNG NGỌC	12/09/06	10	10	9	5	5	5			
37	120543	HÀ TUỆ NHI	15/09/06	20	20	19	12	12	12			
38	120391	VŨ PHƯƠNG NHUNG	24/07/06	14	14	14	8	8	8			
39	120189	NGUYỄN THỊ KIM OANH	31/03/06	7	7	7	4	4	4			
40	120547	PHẠM THẢO PHƯƠNG	12/09/06	20	20	19	12	12	12			
41	120047	NGUYỄN TUẤN SƠN	01/10/06	2	2	2	1	1	1			
42	120367	DƯƠNG QUÝ THIỆN	07/02/06	14	13	13	7	7	7			
43	120344	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	21/05/06	13	13	12	7	7	7			
44	120267	HOÀNG THANH TRÚC	26/03/06	10	10	9	6	6	6			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A7

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120524	NGÔ TRẦN THÁI AN	20/10/06	19	19	18	12	12	11			
2	120491	HOÀNG MAI ANH	10/06/06	18	18	17	11	11	11			
3	120025	LÊ TUẤN ANH	08/03/06	1	1	1	1	1	1			
4	120542	NGUYỄN ĐÀM QUỐC ANH	10/04/06	20	20	19	12	12	12			
5	120478	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	30/05/06	17	17	16	10	10	10			
6	120335	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	08/06/06	12	12	12	7	7	7			
7	120479	PHÙNG THỊ HỒNG ANH	26/10/06	18	17	17	10	10	10			
8	120556	ĐÀO DƯƠNG ÁNH	15/08/06	20	20	19	12	12	12			
9	120156	NGUYỄN KIM CHI	07/01/06	6	6	6	3	3	3			
10	120453	VŨ THỊ LINH CHI	21/05/06	17	16	16	10	10	9			
11	120096	PHẠM QUANG DUY	25/10/06	4	4	4	2	2	2			
12	120232	ĐỒNG THỊ ÁNH DƯƠNG	18/09/06	9	9	8	5	5	5			
13	120484	VŨ NAM DƯƠNG	03/07/06	18	18	17	10	10	10			
14	120135	ĐẶNG TRẦN HẢI ĐĂNG	19/03/06	5	5	5	3	3	3			
15	120180	ĐỖ HOÀNG HẢI	20/08/06	7	7	7	4	4	4			
16	120066	NGÔ THUÝ HẠNH	20/01/06	3	3	3	2	2	2			
17		NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	24/01/06									
18	120258	NGUYỄN KHÁNH HUY	07/08/06	10	10	9	5	5	5			
19		ĐÀO TUẤN HƯNG	18/11/06									
20	120050	NGUYỄN KHÁNH THẢO HƯƠNG	22/03/06	2	2	2	1	1	1			
21	120093	PHẠM ĐỖ MINH KHANG	16/04/06	4	4	4	2	2	2			
22	120182	ĐẶNG BẢO KHANH	04/08/06	7	7	7	4	4	4			
23	120331	NGUYỄN THỊ TUYẾT LÂM	21/01/06	12	12	12	7	7	7			
24	120515	ĐÀO YẾN LINH	27/12/06	19	19	18	11	11	11			
25	120381	NGÔ THÙY LINH	13/10/06	14	14	13	8	8	8			
26	120174	NGUYỄN QUỲNH MAI	10/02/06	7	7	6	4	4	4			
27	120217	NGUYỄN HỒNG MINH	28/04/06	8	8	8	5	5	5			
28	120291	QUÁCH TUẤN NGHĨA	31/10/06	11	11	10	6	6	6			
29	120387	HỒ DOÃN NGUYÊN	04/12/06	14	14	13	8	8	8			
30	120259	VŨ BÁ ĐỨC NHÂN	10/12/06	10	10	9	5	5	5			
31	120307	HÀN BẢO PHONG	05/08/06	11	11	11	6	6	6			
32	120408	TRẦN TRUNG PHONG	03/08/06	15	15	14	8	8	8			
33	120389	PHẠM VĂN PHÚC	29/11/06	14	14	14	8	8	8			
34	120516	TRẦN MINH PHƯƠNG	23/03/06	19	19	18	11	11	11			
35	120218	NGUYỄN BẢO QUYÊN	04/03/06	8	8	8	5	5	5			
36	120107	TRỊNH THÚY QUỲNH	14/06/06	4	4	4	3	3	3			
37	120098	BÙI THANH SƠN	12/06/06	4	4	4	2	2	2			
38	120464	LẠI HỢP THÀNH	11/10/06	17	17	16	10	10	10			
39	120260	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	17/12/06	10	10	9	5	6	6			
40	120398	PHẠM MINH THƯ	20/10/06	15	15	14	8	8	8			
41	120417	TRẦN TRÍ TOÀN	06/11/06	15	15	14	9	9	9			
42	120486	ĐẶNG THỊ HIỀN TRANG	18/11/06	18	18	17	10	10	10			
43	120168	LÊ THANH VÂN	26/02/06	6	6	6	4	4	4			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A8

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120514	TRỊNH THÙY AN	18/09/06	19	19	18	11	11	11			
2	120518	NGUYỄN NGỌC ANH	17/07/06	19	19	18	11	11	11			
3	120289	TRẦN LÊ HẢI ANH	19/05/06	11	11	10	6	6	6			
4		VŨ PHƯƠNG ANH	03/12/06									
5	120532	NGUYỄN TUẤN DŨNG	19/06/06	19	19	18	12	12	12			
6	120535	ĐINH TRỌNG HẢI DƯƠNG	08/02/06	19	19	18	12	12	12			
7	120458	TRẦN PHAN DƯƠNG	22/11/06	17	17	16	10	10	10			
8	120082	ĐOÀN HƯƠNG GIANG	29/04/06	3	3	3	2	2	2			
9	120438	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	08/02/06	16	16	15	9	9	9			
10		VŨ NGỌC HẢI	24/04/06									
11	120379	ĐÀO MINH HẠNH	10/11/06	14	14	13	8	8	8			
12	120355	NGUYỄN THANH HẰNG	16/11/06	13	13	12	7	7	7			
13	120520	ĐÀO VĂN HIẾU	06/04/06	19	19	18	11	11	11			
14	120341	ĐOÀN MINH HIẾU	11/04/06	13	13	12	7	7	7			
15	120528	PHẠM TRUNG HIẾU	10/10/06	19	19	18	12	12	12			
16		THÂN TRUNG HIẾU	19/05/06									
17	120426	LÊ VŨ HOÀNG	20/06/06	16	16	15	9	9	9			
18	120523	HOÀNG QUỲNH HƯƠNG	07/03/06	19	19	18	12	12	11			
19	120037	ĐỖ TRUNG KIÊN	24/10/06	2	2	2	1	1	1			
20	120171	VŨ TRUNG KIÊN	27/02/06	7	7	6	4	4	4			
21	120216	LÊ THỊ LAN	28/06/06	8	8	8	5	5	5			
22	120432	ĐÀO THỊ PHƯƠNG LINH	03/02/06	16	16	15	9	9	9			
23		NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	07/01/06									
24	120110	ĐỖ PHƯƠNG QUANG MINH	27/06/06	4	4	4	3	3	3			
25	120496	TRẦN BÌNH MINH	09/09/06	18	18	17	11	11	11			
26	120549	VƯƠNG ANH MINH	28/11/06	20	20	19	12	12	12			
27	120038	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	15/03/06	2	2	2	1	1	1			
28	120546	HOÀNG YẾN NHƯ	20/07/06	20	20	19	12	12	12			
29	120441	ĐINH TRẦN MAI PHƯƠNG	11/08/06	16	16	15	9	9	9			
30	120429	ĐỖ HÀ PHƯƠNG	30/05/06	16	16	15	9	9	9			
31	120545	NGUYỄN TIẾN QUANG	11/09/06	20	20	19	12	12	12			
32	120264	NGUYỄN ANH QUÂN	15/08/06	10	10	9	6	6	6			
33	120419	BÙI HẢI QUYÊN	26/02/06	15	15	15	9	9	9			
34	120537	HOÀNG THÁI SƠN	05/10/06	20	19	19	12	12	12			
35	120078	PHÙNG PHƯƠNG THANH	27/11/06	3	3	3	2	2	2			
36		PHÙNG HẢI THÀNH	07/05/06									
37	120371	LÊ ANH THƯ	30/08/06	14	14	13	8	8	8			
38	120550	VŨ HẢI TRƯỜNG	10/01/06	20	20	19	12	12	12			
39	120443	BÙI HOÀNG VIỆT	04/09/06	16	16	15	9	9	9			
40	120414	PHÙNG ĐỨC VIỆT	08/01/06	15		14	9	9				
41	120505	NGUYỄN QUANG VINH	16/10/06	18		17	11	11				
42	120529	TRẦN NGUYÊN VŨ	13/08/06	19	19	18	12	12	12			
43	120045	LÊ BÙI HẢI VY	25/03/06	2	2	2	1	1	1			
44	120254	TRẦN LÊ HẠ VY	14/06/06	10	9	9	5	5	5			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A9

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120467	LƯU QUỲNH ANH	29/01/06	17	17	16				20	20	20
2		LÊ THÁI HÀ	09/02/06									
3	120058	VŨ HẢI HÀ	06/08/06	3	3	2				13	13	13
4	120290	HOÀNG THỊ MINH HẠNH	25/08/06	11	11	10				17	17	17
5	120002	NGUYỄN MINH HIẾU	01/04/06	1	1	1				13	13	13
6	120169	NGUYỄN KHÁNH HỒNG	01/01/06	7	6	6				15	15	15
7	120162	NGÔ GIA HUY	16/03/06	6	6	6				15	15	15
8	120170	NGUYỄN THANH HUYỀN	29/11/06	7	7	6				15	15	15
9	120186	PHẠM NGỌC HUYỀN	14/05/06	7	7	7				16	16	15
10	120181	VŨ MAI HƯƠNG	14/12/06	7	7	7				16	15	15
11	120191	TRẦN NGỌC TRÚC KHANH	29/11/06	7	7	7				16	16	16
12	120243	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	19/01/06	9	9	9				17	16	16
13	120157	MAI HỒNG LAM	19/06/06	6	6	6				15	15	15
14	120226	NGUYỄN KHÁNH LINH	03/01/06	9	8	8				16	16	16
15	120200	ĐỖ HOÀNG MAI	07/12/06	8	8	7				16	16	16
16	120105	PHẠM QUỲNH MAI	14/04/06	4	4	4				14	14	14
17	120332	ĐÀO HÀ MY	22/09/06	12	12	12				18	18	18
18	120101	PHẠM THẾ NAM	18/08/06	4	4	4				14	14	14
19	120207	VŨ HOÀNG BẢO NGỌC	25/11/06	8	8	7				16	16	16
20	120245	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	06/04/06	9	9	9				17	16	16
21	120360	ĐÀO YẾN NHI	04/07/06	13	13	13				18	18	18
22	120044	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	06/08/06	2	2	2				13	13	13
23	120184	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	31/03/06	7	7	7				16	15	15
24	120211	PHẠM MAI PHƯƠNG	03/01/06	8	8	8				16	16	16
25	120224	PHẠM PHƯƠNG THANH	30/12/06	8	8	8				16	16	16
26	120042	HÀ PHƯƠNG THẢO	13/04/06	2	2	2				13	13	13
27	120250	NGUYỄN THANH THẢO	20/01/06	9	9	9				17	17	16
28	120121	TRẦN THỊ HÀ THU	25/03/06	5	5	5				14	14	14
29	120073	VŨ MINH THU	28/09/06	3	3	3				14	14	14
30	120024	NGUYỄN MINH THÙY	23/02/06	1	1	1				13	13	13
31	120320	ĐỒNG NGUYỄN ANH THƯ	08/09/06	12	12	11				18	18	18
32	120266	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH TOÀN	26/06/06	10	10	9				17	17	17
33		HOÀNG THU TRANG	15/06/06									
34		NGHIÊM MINH TRANG	20/08/06									
35	120321	NGUYỄN NGỌC MAI TRANG	23/07/06	12	12	11				18	18	18
36	120456	PHẠM HUYỀN TRANG	05/08/06	17	17	16				19	19	19
37	120139	PHAN THANH TÚ	22/10/06	5	5	5				15	15	15
38	120261	TRẦN TÚ UYÊN	03/10/06	10	10	9				17	17	17
39	120228	NGUYỄN HÀ VY	24/12/06	9	9	8				16	16	16
40	120279	NGUYỄN HẢI YẾN	08/02/06	10	10	10				17	17	17

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A10

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120301	ĐÀO THÙY AN	23/11/06	11	11	11				17	17	17
2	120476	BÙI HOÀNG QUỲNH ANH	25/05/06	17	17	16				20	20	20
3	120262	LÊ PHƯƠNG ANH	21/12/06	10	10	9				17	17	17
4	120272	NGUYỄN QUỲNH ANH	28/04/06	10	10	10				17	17	17
5	120352	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	17/10/06	13	13	12				18	18	18
6	120358	NGUYỄN THỊ MINH ANH	23/09/06	13	13	12				18	18	18
7	120525	TÔ THỊ LAN ANH	19/03/06	19	19	18				20	20	20
8	120434	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	28/10/06	16	16	15				19	19	19
9		PHẠM THỊ KIM CHI	26/06/06									
10	120061	ĐINH TIẾN DŨNG	02/06/06	3	3	3				14	13	13
11	120056	BÙI THỊ ÁNH DƯƠNG	27/02/06	2	2	2				13	13	13
12	120031	PHẠM THỊ KHÁNH DƯƠNG	19/07/06	2	2	2				13	13	13
13	120179	VŨ THÙY DƯƠNG	31/05/06	7	7	7				16	15	15
14	120007	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	24/09/06	1	1	1				13	13	13
15	120382	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	05/09/06	14	14	13				19	19	19
16	120222	NGUYỄN THỊ NGÂN HÀ	05/03/06	8	8	8				16	16	16
17	120027	NGUYỄN THU HÀ	30/08/06	1	1	1				13	13	13
18	120292	VŨ NGỌC HẰNG	05/02/06	11	11	10				17	17	17
19	120205	BÙI HUYỀN LINH	22/12/06	8	8	7				16	16	16
20	120324	LÂM THỊ PHƯƠNG LINH	24/08/06	12	12	11				18	18	18
21	120159	NGUYỄN DIỆU LINH	30/09/06	6	6	6				15	15	15
22	120233	NGUYỄN KHỔNG NHẬT LINH	12/04/06	9	9	8				16	16	16
23	120428	TRẦN NGỌC LINH	05/08/06	16	16	15				19	19	19
24	120286	VŨ PHƯƠNG LINH	29/09/06	11	11	10				17	17	17
25	120234	NGUYỄN TUẤN MINH	13/10/06	9	9	8				16	16	16
26	120106	VŨ HÀ MY	28/11/06	4	4	4				14	14	14
27	120131	HÀ HOÀNG NGÂN	07/07/06	5	5	5				15	14	14
28	120461	NGUYỄN HUYỀN GIA NGHI	17/05/06	17	17	16				19	20	19
29	120314	NGUYỄN MINH NGỌC	19/07/06	12	12	11				18	18	18
30	120144	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	30/05/06	6	6	5				15	15	15
31	120282	PHẠM THỊ CẨM NHUNG	02/02/06	11	10	10				17	17	17
32	120436	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	02/12/06	16	16	15				19	19	19
33	120343	PHẠM MAI PHƯƠNG	30/12/06	13	13	12				18	18	18
34	120088	ĐẶNG TRÚC QUỲNH	15/03/06	4	4	3				14	14	14
35	120145	BÙI MINH THÚY	16/08/06	6	6	5				15	15	15
36	120498	ĐÀO THANH THƯ	09/02/06	18	18	17				20	20	20
37	120252	PHẠM MINH THƯ	25/06/06	9	9	9				17	17	17
38	120302	LƯƠNG HUYỀN TRANG	15/05/06	11	11	11				18	17	17
39	120277	NGUYỄN TRẦN BẢO TRÂM	19/06/06	10	10	10				17	17	17
40	120085	NGUYỄN THU UYÊN	06/07/06	4	4	3				14	14	14

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A11

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120146	HOÀNG THỊ MAI ANH	18/04/05	6	6	5				15	15	15
2	120415	LÊ THU ANH	10/10/06	15	15	14				19	19	19
3	120522	LƯƠNG NGUYỆT ANH	08/11/06	19	19	18				20	20	20
4	120134	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH ANH	14/11/06	5	5	5				15	15	15
5	120048	NGUYỄN THỊ TRANG ANH	03/04/06	2	2	2				13	13	13
6	120554	NGUYỄN TỰ DUY ANH	03/05/06	20	20	19				20	20	20
7	120482	PHAN LÊ TRANG ANH	14/11/06	18	18	17				20	20	20
8	120457	TRẦN QUỲNH ANH	12/10/06	17	17	16				19	19	19
9	120359	CAO THỊ QUỲNH CHI	01/08/06	13	13	13				18	18	18
10	120511	NGUYỄN KHÁNH CHI	06/03/06	19	18	18				20	20	20
11	120526	ĐỖ DUY CHIẾN	16/02/06	19	19	18				20	20	20
12	120052	TRIỆU THỊ HÀ CHUNG	10/01/06	2	2	2				13	13	13
13	120483	PHẠM THÁI DƯƠNG	03/07/06	18	18	17				20	20	20
14	120001	NGUYỄN QUỐC HẢI ĐĂNG	16/11/06	1	1	1				13	13	13
15	120421	CỒ THỊ HƯƠNG GIANG	04/11/06	15	15	15				19	19	19
16	120340	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	07/12/06	13	12	12				18	18	18
17	120403	BÙI NGUYỄN THÁI HẰNG	26/12/06	15	15	14				19	19	19
18	120029	NGUYỄN MINH HẰNG	15/04/06	2	2	1				13	13	13
19	120091	NGUYỄN GIA HÂN	18/10/06	4	4	4				14	14	14
20	120021	PHAN THU HIỀN	06/11/06	1	1	1				13	13	13
21	120193	DƯƠNG THU HƯƠNG	13/08/06	7	7	7				16	16	16
22		PHẠM BÙI NAM KHÁNH	06/05/06									
23	120054	HOÀNG KHÁNH LINH	06/10/06	2	2	2				13	13	13
24	120312	NGUYỄN HÀ LINH	08/09/06	12	12	11				18	18	18
25	120435	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	25/11/06	16	16	15				19	19	19
26	120406	NGUYỄN THÙY LINH	10/12/06	15	15	14				19	19	19
27		NGUYỄN TIẾN LINH	26/07/06									
28	120377	LÃ GIA MINH	26/09/06	14	14	13				19	19	19
29	120206	TRẦN PHƯƠNG NGÂN	04/02/06	8	8	7				16	16	16
30	120015	TRẦN KHÁNH NGỌC	30/08/06	1	1	1				13	13	13
31	120539	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	31/08/06	20	20	19				20	20	20
32	120540	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	22/07/06	20	20	19	12	12	12			
33	120308	NGUYỄN THỊ MINH PHÚC	08/04/06	11	11	11				18	18	17
34	120149	TRẦN THẢO PHƯƠNG	13/02/06	6	6	6				15	15	15
35	120265	NGUYỄN NGỌC THANH	25/02/06	10	10	9				17	17	17
36	120564	LÊ NGUYỄN ĐỨC THÀNH	18/10/06	20	20	19				20	20	20
37	120099	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	27/11/06	4	4	4				14	14	14
38	120177	VŨ ANH THƯ	11/05/06	7	7	6				15	15	15
39	120092	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	19/06/06	4	4	4				14	14	14
40	120178	NGUYỄN HIỀN TRANG	21/11/06	7	7	6				15	15	15
41	120084	ĐOÀN THỊ NGỌC TRÂM	11/04/06	3	3	3				14	14	14
42	120154	NGUYỄN THANH TRÚC	01/06/06	6	6	6				15	15	15
43	120503	ĐẶNG KHÁNH VI	27/07/06	18	18	17				20	20	20
44	120268	ĐỖ HÀ VI	07/05/06	10	10	10				17	17	17
45	120334	NGUYỄN TUẤN VINH	10/08/06	12	12	12				18	18	18

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A12

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120089	PHẠM HOÀI AN	05/12/06	4	4					14	14	
2		DƯƠNG MINH ANH	11/08/06									
3	120140	ĐOÀN MINH ANH	03/10/06	5	5	5				15	15	15
4	120422	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	23/02/06	16	15						19	19
5	120365	ĐOÀN THỊ TRANG ANH	26/07/06	13	13	13					19	
6	120553	MAI QUỲNH ANH	11/07/06	20	20							
7	120112	NGUYỄN MAI ANH	15/06/06	4	4	4				14	14	14
8	120423	NGUYỄN MINH ANH	07/05/06	16	15	15						
9	120240	NGUYỄN THỊ MINH ANH	30/05/06	9	9	9				16	16	16
10		PHẠM THỊ HỒNG ANH	20/05/06									
11		TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	16/06/06									
12	120374	TRẦN BẢO CHÂU	06/03/06	14	14					19	19	18
13		VŨ DUY HẠNH CHI	08/07/06									
14	120270	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	14/06/06	10	10	10				17	17	17
15	120009	PHẠM THỊ THUỲ DƯƠNG	09/04/06	1	1	1				13	13	13
16	120100	LÊ NGUYỄN HƯƠNG GIANG	20/06/06	4	4	4				14	14	14
17	120309	NGUYỄN BẠCH BẢO HÂN	03/08/06	11	11	11					18	18
18	120304	NGUYỄN KHÁNH HỒNG	09/02/06	11	11						17	17
19	120345	VŨ MINH HỒNG	07/03/06	13	13					18	18	
20	120075	LÊ DIỆU HUYỀN	09/05/06	3	3	3				14	14	14
21	120356	PHẠM KHÁNH HUYỀN	09/09/06	13	13					18	18	18
22		TRỊNH HOÀNG KHÁNH HUYỀN	17/09/06									
23	120197	NGUYỄN GIA HƯNG	10/03/06	8	7						16	
24	120305	PHẠM HIỀN KHANH	19/03/06	11		11					17	17
25		TRẦN VIỆT KHÁNH	26/08/06									
26	120115	NGUYỄN NGỌC BẢO LINH	18/09/06	5	5	4				14	14	14
27		PHẠM MAI LINH	27/04/06									
28	120424	VŨ THỊ NHẬT LINH	01/06/06	16	15					19	19	19
29	120376	VŨ THỊ THÙY LINH	14/11/06	14	14	13						
30	120244	LƯU DIỆU HƯƠNG MAIA	05/05/06		9						16	16
31	120003	TRẦN NGA MY	17/08/06	1	1	1						
32	120477	CAO MINH NGỌC	04/10/06	17	17	16					20	20
33	120319	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	01/05/06	12	12	11				18	18	18
34	120064	PHẠM THỊ MINH NGỌC	11/07/06	3	3					14	14	14
35	120039	TRẦN PHƯƠNG NGỌC	30/01/06	2	2	2				13	13	13
36	120333	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	26/06/06	12	12					18	18	18
37	120397	PHẠM NGUYỄN MINH PHƯƠNG	01/01/06	15	15	14					19	19
38	120026	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRÂM	19/10/06	1	1	1				13	13	13
39	120151	NGÔ PHƯƠNG UYÊN	11/09/06	6	6					15	15	15
40		NGUYỄN VŨ PHƯƠNG UYÊN	17/09/06									
41		PHẠM BÙI TRƯỜNG VŨ	09/09/06									
42	120494	TRẦN PHI VŨ	23/09/06	18						20	20	20
43	120410	PHẠM HÀ VY	14/12/06	15	15					19	19	19

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A13

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120364	BÙI MAI ANH	22/12/06	13	13	13				19	18	18
2		BÙI PHƯƠNG ANH	29/06/06									
3	120560	KHÚC QUỲNH ANH	27/01/06	20	20	19				20	20	20
4	120322	NGUYỄN DUY ANH	04/07/06	12	12	11				18	18	18
5	120255	NGUYỄN MINH ANH	26/05/06	10	10	9				17	17	17
6	120361	PHẠM NGỌC TRÂM ANH	27/10/06	13	13	13				18	18	18
7	120323	VŨ MAI ANH	26/06/06	12	12	11				18	18	18
8	120555	PHẠM NGUYÊN BÌNH	09/01/06	20	20	19				20	20	20
9	120133	HÀ BẢO CHÂU	07/09/06	5	5	5				15	15	14
10	120017	VŨ MINH CHÂU	08/05/06	1	1	1				13	13	13
11	120561	HÀ NGỌC CHI	01/08/06	20	20	19						
12		TRẦN QUỲNH CHI	20/04/06									
13	120557	ĐOÀN TRÍ DŨNG	01/11/06	20	20	19				20	20	20
14		ĐẶNG ĐÀO CHI GIANG	01/02/06									
15	120209	NGUYỄN NGÂN HÀ	05/11/06	8	8	8				16	16	16
16	120446	CÙ MINH HIẾU	06/06/06	16	16	15				19	19	19
17	120311	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	22/06/06	12	11	11				18	18	18
18	120013	ĐỖ MINH HƯỜNG	26/11/06	1	1	1				13	13	13
19	120531	CAO THỊ KIM KHÁNH	05/10/06	19	19	18				20	20	20
20	120215	NGUYỄN KIM ANH KHOA	11/07/06	8	8	8				16	16	16
21	120014	ĐÀO HUYỀN LINH	25/06/06	1	1	1				13	13	13
22	120158	NGÔ THỊ DIỆU LINH	13/01/06	6	6	6				15	15	15
23	120194	NGUYỄN THỊ BẢO LINH	11/06/06	7	7	7				16	16	16
24	120326	TRẦN PHƯƠNG LINH	03/03/06	12	12	11				18	18	18
25	120490	TRẦN TRANG LINH	02/12/06	18	18	17				20	20	20
26	120077	VŨ PHƯƠNG LINH	26/08/06	3	3	3				14	14	14
27	120536	TÔ PHƯƠNG MAI	20/06/06	19	19	18				20	20	20
28	120172	ĐẶNG HÀ MINH	21/02/06	7	7	6				15	15	15
29	120201	TÔ HÀ MY	17/04/06	8	8	7				16	16	16
30	120413	ĐẶNG THỊ TÚ NGÂN	24/02/06	15	15	14				19	19	19
31	120068	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	27/07/06	3	3	3				14	14	14
32	120563	NGUYỄN THANH NGỌC	28/06/06	20	20	19				20	20	20
33	120396	TRƯƠNG HẠNH NGUYÊN	01/10/06	15	14	14				19	19	19
34	120388	VŨ NGUYỄN THẢO NGUYÊN	10/05/06	14	14	13				19	19	19
35	120175	PHẠM KHÁNH NHI	19/11/06	7	7	6				15	15	15
36		PHẠM PHƯƠNG NHI	25/04/06									
37	120176	NGÔ NGUYỄN HỒNG NHUNG	21/02/06	7	7	6				15	15	15
38	120329	VŨ MINH TÂM	12/07/06	12	12	12				18	18	18
39	120023	NGUYỄN HẢI TRANG	04/08/06	1	1	1				13	13	13
40	120315	PHẠM HUYỀN TRANG	19/09/06	12	12	11				18	18	18
41	120246	NGUYỄN MINH TRỌNG	12/07/06	9	9	9				17	17	16
42	120492	TRẦN HOÀNG THÁI UYÊN	25/03/06	18	18	17				20	20	20
43	120288	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	09/08/06	11	11	10				17	17	17
44	120065	TÔ HÀ VY	17/04/06	3	3	3				14	14	14

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KHẢO SÁT NCCL LẦN 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 12A14

Khóa ngày 21,24/3/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	120400	ĐỖ TRẦN QUỲNH ANH	13/09/06	15	15	14				19	19	19
2	120219	NGUYỄN DƯƠNG HẢI ANH	17/01/06	8	8	8				16	16	16
3	120018	NGUYỄN NGÂN ANH	26/04/06	1	1	1				13	13	13
4	120506	PHẠM VŨ HÀ ANH	10/01/06	18	18	17				20	20	20
5	120081	TRẦN KIẾN BẢO	28/09/06	3	3	3				14	14	14
6	120220	TRẦN NGỌC KIM BẢO	11/04/06	8	8	8				16	16	16
7	120284	VŨ THỊ MINH CẦM	22/12/06	11	11	10				17	17	17
8	120132	ĐẶNG MINH CHÂU	25/04/06	5	5	5				15	14	14
9		TRẦN LAM CHÂU	17/05/06									
10	120445	NGUYỄN QUỲNH CHI	01/11/06	16	16	15				19	19	19
11	120231	PHẠM MAI CHI	10/11/06	9	9	8				16	16	16
12	120161	VŨ THỊ THUỲ DƯƠNG	03/11/06	6	6	6				15	15	15
13	120213	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	06/12/06	8	8	8				16	16	16
14	120562	NGÔ SƠN HÀ	08/07/06	20	20	19				20	20	20
15	120028	PHẠM THU HÀ	04/10/06	1	1	1	1	1	1			
16	120114	PHẠM MINH HẠNH	06/03/06	5	5	4				14	14	14
17	120274	MẠC GIA HUY	12/11/06	10	10	10				17	17	17
18	120046	HOÀNG MINH HƯƠNG	25/11/06	2	2	2				13	13	13
19	120006	NGUYỄN HÀ KHANH	11/03/06	1	1	1				13	13	13
20	120474	PHÓ THÙY LINH	27/09/06	17	17	16	10	10	10			
21	120450	TRẦN THÙY LINH	28/03/06	17	16	16				19	19	19
22	120548	VŨ HỒNG LINH	02/08/06	20	20	19				20	20	20
23	120067	NGUYỄN HẢI LY	07/10/06	3	3	3				14	14	14
24	120395	NGUYỄN NGỌC MINH	23/08/06	15	14	14				19	19	19
25	120300	TRỊNH NGUYỄN HÒA MINH	17/05/06	11	11	11				17	17	17
26		TRẦN HÀ MY	23/10/06									
27	120153	TRƯƠNG QUỲNH NGA	09/05/06	6	6	6				15	15	15
28	120235	TRẦN THỊ KIM NGÂN	28/01/06	9	9	8				16	16	16
29	120350	HOÀNG NHƯ NGỌC	28/11/06	13	13	12				18	18	18
30		LÊ PHẠM KHÁNH NGỌC	13/10/06									
31	120287	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	03/09/06	11	11	10				17	17	17
32	120328	LÊ HỒNG NHUNG	21/04/06	12	12	12	7	7	7			
33	120257	TRẦN NGỌC BẢO NHƯ	26/03/06	10	10	9	5	5	5			
34	120148	LÊ VIỆT NGỌC PHƯƠNG	04/12/06	6	6	5						
35	120138	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	17/01/06	5	5	5				15	15	15
36	120102	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	21/12/06	4	4	4				14	14	14
37		TRẦN TIẾN THÀNH	10/02/06									
38	120016	NGUYỄN HỮU HOÀNG THỊNH	23/02/06	1	1	1				13	13	13
39	120125	TRẦN THỊ PHƯƠNG THUÝ	29/10/06	5	5	5				14	14	14
40	120296	VŨ DUY ĐỨC TOÀN	20/09/06	11	11	10				17	17	17
41	120433	PHẠM VŨ HOÀNG TÙNG	18/02/06	16	16	15				19	19	19
42	120368	TRẦN MỸ UYÊN	26/06/06	14	13	13	7	7	7			
43	120565	PHAN KHÁNH VÂN	07/12/06	20	20	19				20	20	20
44	120278	TRẦN MINH VŨ	20/06/06	10	10	10				17	17	17
45	120118	ĐỖ TIẾN VƯỢNG	09/07/06	5	5	4				14	14	14
46	120444	NGUYỄN TRANG HÀ VY	13/09/06	16	16	15				19	19	19
47	120152	PHẠM NGUYỄN KHÁNH VY	31/10/06	6	6	6				15	15	15